

Số: 37/2024/QĐST-KDTM

Quận 3, ngày 27 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 84/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Trụ sở: 89 đường L, phường L, quận Đ, Thành phố Hi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Vĩ Đ (Theo văn bản ủy quyền số 9723/2024/UQ-PGD ngày 04/9/2024)

Địa chỉ: Tầng 1, số 96 đường C, Phường B, Quận C, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại T

Trụ sở: 422 Đường C, Phường H, Quận B, TP.H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang V

Địa chỉ: 430/2 Đường C, Phường H, Quận B, TP.H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1958

Địa chỉ: 430/2 Đường C, Phường H, Quận B, TP.H..

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V có ông Lê Vĩ Đ là đại diện theo ủy quyền và bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại T có ông Nguyễn Quang V là người đại diện theo pháp luật; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Quang Vinh cùng thống nhất những nội dung như sau:

2.1. Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại T còn nợ nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần V tổng số tiền là 3.316.107.240 đồng (*Ba tỷ ba trăm mười sáu triệu một trăm lẻ bảy ngàn hai trăm bốn mươi đồng*). Trong đó: Nợ gốc

là: 2.823.651.783 đồng. Nợ lãi tính đến ngày 19/9/2024 là 492.455.457 đồng phát sinh từ Hợp đồng cho vay số: EMH/23037 ký ngày 29/03/2023 và các Khế ước nhận nợ số: 300323-2693281-ONL-28 ký ngày 30/03/2023; Khế ước nhận nợ số: 300323-2693281-ONL-29 ký ngày 30/03/2023; Khế ước nhận nợ số: 120423-2693281-ONL-31 ký ngày 12/04/2023; Khế ước nhận nợ số: 260423-2693281-ONL-32 ký ngày 26/04/2023; Khế ước nhận nợ số: 060523-2693281-ONL-33 ký ngày 08/05/2023; Khế ước nhận nợ số: 060623-2693281-ONL-34 ký ngày 07/06/2023; Khế ước nhận nợ số: 100723-2693281-ONL-37 ký ngày 10/07/2023; Khế ước nhận nợ số: 100723-2693281-ONL-38 ký ngày 11/07/2023; Khế ước nhận nợ số: 130723-2693281-ONL-39 ký ngày 13/07/2023; Khế ước nhận nợ số: 180723-2693281-ONL-40 ký ngày 18/07/2023; Khế ước nhận nợ số: 200723-2693281-ONL-41 ký ngày 20/07/2023; Khế ước nhận nợ số: 020823-2693281-ONL-43 ký ngày 02/08/2023; Khế ước nhận nợ số: 121023-2693281-ONL-45 ký ngày 13/10/2023; Khế ước nhận nợ số: 171023-2693281-ONL-47 ký ngày 17/10/2023; Khế ước nhận nợ số: 261023-2693281-ONL-48 ký ngày 26/10/2023; Khế ước nhận nợ số: 011123-2693281-ONL-49 ký ngày 02/11/2023; Khế ước nhận nợ số: 061123-2693281-ONL-50 ký ngày 07/11/2023; Khế ước nhận nợ số: 091223-2693281-ONL-51 ký ngày 12/12/2023 được ký kết giữa Công ty TNHH Sản xuất Thương mại T với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

2.2. Bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là 3.316.107.240 đồng trong vòng 6 tháng cho nguyên đơn theo thời gian như sau:

- Ngày 25/10/2024 thanh toán số tiền 100.000.000 đồng
- Ngày 25/11/2024 thanh toán số tiền 100.000.000 đồng
- Ngày 25/12/2024 thanh toán số tiền 100.000.000 đồng
- Ngày 25/01/2025 thanh toán số tiền 100.000.000 đồng
- Ngày 25/02/2025 thanh toán số tiền 100.000.000 đồng
- Ngày 25/3/2025 thanh toán toàn bộ số tiền còn lại là 2.816.107.240 đồng.

2.3. Kể từ ngày 20/9/2024 bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại T còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất thỏa thuận tương ứng với Hợp đồng cho vay số: EMH/23037 ký ngày 29/03/2023 và các Khế ước nhận nợ số: 300323-2693281-ONL-28 ký ngày 30/03/2023; Khế ước nhận nợ số: 300323-2693281-ONL-29 ký ngày 30/03/2023; Khế ước nhận nợ số: 120423-2693281-ONL-31 ký ngày 12/04/2023; Khế ước nhận nợ số: 260423-2693281-ONL-32 ký ngày 26/04/2023; Khế ước nhận nợ số: 060523-2693281-ONL-33 ký ngày 08/05/2023; Khế ước nhận nợ số: 060623-2693281-ONL-34 ký ngày 07/06/2023; Khế ước nhận nợ số: 100723-2693281-ONL-37 ký ngày 10/07/2023; Khế ước nhận nợ số: 100723-2693281-ONL-38 ký ngày 11/07/2023; Khế ước nhận nợ số: 130723-2693281-ONL-39 ký ngày 13/07/2023; Khế ước nhận nợ số: 180723-2693281-ONL-40 ký ngày 18/07/2023; Khế ước nhận nợ số: 200723-2693281-ONL-41 ký ngày 20/07/2023; Khế ước nhận nợ số: 020823-2693281-ONL-43 ký ngày 02/08/2023; Khế ước nhận nợ số: 121023-2693281-

ONL-45 ký ngày 13/10/2023; Khế ước nhận nợ số: 171023-2693281-ONL-47 ký ngày 17/10/2023; Khế ước nhận nợ số: 261023-2693281-ONL-48 ký ngày 26/10/2023; Khế ước nhận nợ số: 011123-2693281-ONL-49 ký ngày 02/11/2023; Khế ước nhận nợ số: 061123-2693281-ONL-50 ký ngày 07/11/2023; Khế ước nhận nợ số: 091223-2693281-ONL-51 ký ngày 12/12/2023 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất tiếp tục thanh toán sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.4. Trường hợp Công ty TNHH Sản xuất Thương mại T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ theo yêu cầu nêu trên thì buộc ông Nguyễn Quang V có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên theo Hợp đồng bảo lãnh số: EMH/23004/BLCN ngày 09/01/2023.

2.5. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Án phí kinh doanh thương mại hòa giải thành là 49.161.072 đồng bị đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại T chịu toàn bộ.

Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 47.589.519 theo Biên lai thu số 0009442 ngày 27/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.3;
- Chi cục THADS Q.3;
- Lưu: VP; Hồ sơ (Dung);

THẨM PHÁN

Trần Thị Mỹ Ngọc